

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **221 /2017/HSST**
Ngày: 29/9/2017.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Sơn và ông Đỗ Đắc Tiến

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hoàng Kim Yến**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa:
Ông **Trần Đăng Vinh**, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 232/2017/HSST, ngày 12/9/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1971 Giới tính: Nữ; ĐKNKTT: phường A, thành phố B, tỉnh C; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn C, sinh năm 1940; Con bà Trịnh Thị D, sinh năm 1951; Chồng: Nguyễn Đức E, sinh năm 1969; Có 01 con sinh năm 1994.

Tiền án, tiền sự: Không

Danh chỉ bản số 000000387 lập ngày 26/6/2017 tại Công an quận Nam Từ Liêm.

Bị cáo đầu thú ngày 19/6/2017. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/6/2017 đến ngày 29/6/2017 chuyển qua bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 của Công an Thành phố Hà Nội. Đến ngày 17/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã ra quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm đã ra quyết định cho bảo lãnh đối với bị cáo. Hiện tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Bùi Thị C, sinh năm 1995. ĐKNKTT: thị trấn F, huyện G, tỉnh L. Nơi ở hiện tại: phường K, quận O, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 00 phút ngày 19/6/2017, chị Bùi Thị C (Sinh năm 1995, ĐKNKTT: thị trấn F, huyện G, tỉnh L) đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm trình báo về việc bị kẻ gian trộm cắp 60.000.000 đồng tại phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Quá trình điều tra xác định: Nguyễn Thị Thu H thuê trọ tại phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội để ở. Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 18/6/2017, H đi sang phòng 204 của chị C chơi thì thấy chị C đang tắm có nói vọng ra “Cháu đang tắm, cô ngồi đợi cháu tý”. H thấy cửa tủ gỗ để bên góc phải phòng đang mở và thấy 01 túi xách màu đen để ở ngăn tủ trên không khóa, bên trong túi có nhiều tiền mệnh giá 200.000 đồng đến 500.000 đồng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Ngay lúc đó, chị C tắm xong ra bảo H ngồi chơi để lên sân thượng phơi quần áo. Thấy chị C đi lên sân thượng thì H lấy trộm toàn bộ số tiền 60.000.000 đồng từ trong túi xách màu đen.

Đến 7 giờ 30 phút ngày 19/6/2017, Nguyễn Thị Thu H gọi điện thoại cho chị Trịnh Thị H1 (Sinh năm 1972, NKTT: xã M, huyện N, Hà Nội là dì của H) đến phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội nhờ giữ hộ H 60.000.000 đồng.

Sau khi chị Trịnh Thị H1 được Cơ quan điều tra thông báo số tiền Nguyễn Thị Thu H gửi do trộm cắp mà có. Ngày 20/6/2017, chị H1 đến Công an quận Nam Từ Liêm, Hà Nội giao nộp 60.000.000 đồng để phục vụ điều tra. Do chị Trịnh Thị H1 không biết tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Ngày 01/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm đã trao trả cho chị Bùi Thị C số tiền 60.000.000 đồng, chị C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Thu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 211/CT-VKS ngày 08/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999; Xử phạt: Nguyễn Thị Thu H từ 24 đến 30 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Bị cáo và Kiểm sát viên không có ý kiến gì về Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội “Trộm cắp tài sản” cũng như phần luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo Nguyễn Thị Thu H trong lời nói sau cùng cũng nhận tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 18/6/2017, tại Đình Thôn, phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, lợi dụng sơ hở Nguyễn Thị Thu H đã có hành vi trộm cắp số tiền 60.000.000 đồng của chị Bùi Thị C, tài sản đã được thu hồi ngay trả lại chủ sở hữu.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo thực hiện tội phạm giữa ban ngày, lợi dụng sơ hở của người bị hại để chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng nào.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo phạm tội lần đầu với lỗi cố ý, tuy nhiên bị cáo không có chủ đích, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội từ trước mà do người bị hại có sơ hở về quản lý tài sản của mình dẫn đến bị cáo nảy sinh lòng tham mà đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; sau khi phạm tội đã đầu thú; gia đình bị cáo có công với đất nước; người bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, h khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 cần áp dụng cho bị cáo.

Với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xem xét về nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do đó không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và giáo dục phòng ngừa chung.

Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì về dân sự nên Toà không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 60 Bộ luật Hình sự 1999:

Xử phạt Nguyễn Thị Thu H **30 (Ba mươi)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh C giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 98; Khoản 2 Điều 99 - Bộ luật tố tụng Hình sự 1999. Điều 28 Nghị quyết quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải nộp **200.000** đồng (*Hai trăm ngàn*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 231 và 234 Bộ luật Tố tụng Hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị

hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục THA DS quận Nam Từ Liêm;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp Hà Nội;
- Bị cáo;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Sơn Hà